Phụ lục 02
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
PHƯỜNG CHÂU ĐỐC

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 14, 21, 22, 37, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 50, 52, 54, 58, 59, 60, 64, 65, 66, 82, 85, 86, 87 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL02 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	14	Thủ Khoa Huân		
		- Nguyễn Văn Thoại - Nguyễn Trường Tộ	15.470	Sửa tên đường (Tên cũ: Nguyễn Văn Thoại - Sương Nguyệt Anh)
		- Nguyễn Văn Thoại - Sương Nguyệt Anh	18.020	Sửa tên đường (Tên cũ: Nguyễn Văn Thoại - Nguyễn Trường Tộ)
2	22	Trưng Nữ Vương: Lê Lợi - Hoàng Diệu	19.890	Sửa tên đường (Tên cũ: Trưng Nữ Vương: Từ Thủ Khoa Huân - Hoàng Diệu)
3	37	KDC Sao Mai: Các tuyến đường nội bộ	8.550	Sửa tên đường (Tên cũ: KDC Sao Mai: Từ Các tuyến đường nội bộ)

TT	Số TT PL02 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
4	41	Đường Số 2, 3 (khu bệnh viện cũ): Suốt đường	7.650	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Số 2, 3 (khu bệnh viện cũ): Từ Suốt đường)
5	42	Khu dân cư Châu Long 1: Các đường nội bộ	7.650	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu dân cư Châu Long 1: Từ Các đường nội bộ)
6	43	Khu dân cư Nam Thủ Khoa Huân: Các đường nội bộ còn lại của khu dân cư	6.900	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu dân cư Nam Thủ Khoa Huân: Từ Các đường nội bộ còn lại của khu dân cư)
7	44	Hồ Tùng Mậu: Suốt đường	9.000	Sửa tên đường (Tên cũ: Hồ Tùng Mậu: Từ Suốt đường)
8	45	Khu dân cư chợ Kim Phát: Các tuyến đường nội bộ	7.650	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu dân cư chợ Kim Phát: Từ Các tuyến đường nội bộ)
9	46	Đường số 2, Đường số 3 (khu dân cư bến xe mới): Suốt đường	9.000	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường số 2 (khu dân cư bến xe mới): Từ Suốt đường)
10	47	Đường số 4 (khu dân cư bến xe mới): Suốt đường	9.000	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường số 4 (khu dân cư bến xe mới): Từ Suốt đường)
11	50	KDC khóm 8 (cũ+mở rộng): Các đường nội bộ còn lại	4.716	Sửa tên đường (Tên cũ: KDC khóm 8 (cũ+mở rộng): Từ KDC khóm 8 (cũ+mở rộng): Từ Các đường nội bộ còn lại)

TT	Số TT PL02 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
12	52	Tỉnh lộ 955A: Từ Đường Trường Đua - ranh Phường Vĩnh Tế	3.144	Sửa tên đường (Tên cũ: Tỉnh lộ 955A : Từ Đường Trường Đua - ranh Phường Châu Phú A, Núi Sam)
13	54	Tôn Thất Tùng (cư xá 20-80): Suốt tuyến	4.716	Sửa tên đường (Tên cũ: Tôn Thất Tùng (cư xá 20-80): Từ Phạm Ngọc Thạch - Thủ Khoa Huân)
14	58	Phạm Ngọc Thạch: Suốt đường	3.930	Sửa tên đường (Tên cũ: Phạm Ngọc Thạch: Từ Phạm Ngọc Thạch - Hết đường)
15	59	KDC Trưng Vương: Các tuyến đường nội bộ	4.716	Sửa tên đường (Tên cũ: KDC Trưng Vương: Từ Các tuyến đường nội bộ)
16	60	Bờ Tây Quốc lộ 91	3.144	Sửa tên đường (Tên cũ: Bờ Tây Quốc lộ 91: Từ Phường B)
17	64	Đường kênh 3 (Lẩm Bà Bang): Từ Huỳnh Văn Thu - Tân lộ Kiều Lương	472	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường kênh 3 (Lẩm Bà Bang): Từ Đường 30/4 - Tân lộ Kiều Lương)
18	66	Đường Kênh 2: Từ đường Tân lộ Kiều Lương đến đường 30/4	472	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Kênh 2: Từ Từ đường Tân lộ Kiều Lương đến đường 30/4)
19	82	KDC Chợ Vĩnh Nguơn: Các đường nội bộ còn lại	1.871	Sửa tên đường (Tên cũ: KDC Chợ Vĩnh Nguơn: Từ Các đường nội bộ còn lại)

TT	Số TT PL02 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
20	85	Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m	700	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường >= 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
21	86	Các tuyến đường khác có độ rộng đường < 3m	600	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường có nền đường < 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
II	**HỦY BỎ**			
1	87	Các tuyến đường còn lại	500	Hủy bỏ

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL02 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	1	Giới hạn từ: sông hậu - kênh Vĩnh Tế - kênh 4 - đường Tân Lộ Kiều Lương - Nguyễn Văn Thoại		Sửa tên đường (Tên cũ: Giáp sông Hậu - kênh Vĩnh Tế - kênh 4 - đường Tân Lộ Kiều Lương)
		- Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản	120	
		- Đất trồng cây lâu năm	150	
2	2	I. Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		Giới hạn từ: Sông Hậu - đường La Thành Thân - đường Nguyễn Tri Phương - đường Mậu Thân - kênh Huỳnh Văn Thu - Kênh 4 - Tân Lộ Kiều Lương - Nguyễn Văn Thoại	120	Sửa tên đường (Tên cũ: Giáp Sông Hậu - đường La Thành Thân - đường Nguyễn Tri Phương - đường Mậu Thân - kênh Huỳnh Văn Thu - Kênh 4 - Tân Lộ Kiều Lương - Nguyễn Văn Thoại)
		II. Đất trồng cây lâu năm		

TT	Số TT PL02 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
		Giới hạn từ: Sông Hậu - đường La Thành Thân - đường Nguyễn Tri Phương - đường Mậu Thân - kênh Huỳnh Văn Thu - Kênh 4 - Tân Lộ Kiều Lương - Nguyễn Văn Thoại	150	Sửa tên đường (Tên cũ: Giáp Sông Hậu - đường La Thành Thân - đường Nguyễn Tri Phương - đường Mậu Thân - kênh Huỳnh Văn Thu - Kênh 4 - Tân Lộ Kiều Lương - Nguyễn Văn Thoại)
3	3	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		Giới hạn từ: Sông Hậu - kênh Vĩnh Tế - Phan Xích Long	80	Sửa tên đường (Tên cũ: Giáp sông hậu - Đường Phan Xích Long - kênh Vĩnh Tế - giáp ranh phường Vĩnh Tế - giáp ranh Vương quốc CampuChia - giáp ranh xã An Phú)
		Giới hạn từ: (Giáp sông hậu - Đường Phan Xích Long - kênh Vĩnh Tế - giáp ranh phường Vĩnh Tế - giáp ranh Vương quốc CampuChia - giáp ranh xã An Phú)	55	Sửa tên đường (Tên cũ: Vị trí còn lại)
		Đất trồng cây lâu năm		
		Giới hạn từ: Sông Hậu - kênh Vĩnh Tế- Phan Xích Long	90	Sửa tên đường (Tên cũ: Giáp sông hậu - Đường Phan Xích Long - kênh Vĩnh Tế - giáp ranh phường Vĩnh Tế - giáp ranh Vương quốc CampuChia - giáp ranh xã An Phú)

TT	Số TT PL02 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
		Giới hạn từ: (Giáp sông hậu - Đường Phan Xích Long - kênh Vĩnh Tế - giáp ranh phường Vĩnh Tế - giáp ranh Vương quốc CampuChia - giáp ranh xã An Phú)	60	Sửa tên đường (Tên cũ: Vị trí còn lại)
4	4	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		Giới hạn từ: Sông Hậu - đường Kênh đào - đường Tôn Đức Thắng - Khu đô thị mới thành phố lễ hội - đường Mậu Thân - đường Nguyễn Tri Phương - đường La Thành Thân	120	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Tôn Đức Thắng - đường kênh Đào - kênh 1 - kênh Huỳnh Văn Thu - ranh Khu đô thị thành phố lễ hội)
		Giới hạn từ: (Đường Tôn Đức Thắng - đường kênh Đào - kênh 1 - kênh Huỳnh Văn Thu - ranh Khu đô thị thành phố lễ hội)	100	Sửa tên đường (Tên cũ: Vị trí còn lại)
5	5	Đất trồng cây lâu năm		
		Giới hạn từ: Sông Hậu - đường Kênh đào - đường Tôn Đức Thắng - Khu đô thị mới thành phố lễ hội - đường Mậu Thân - đường Nguyễn Tri Phương - đường La Thành Thân	150	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Tôn Đức Thắng - đường kênh Đào - kênh 1 - kênh Huỳnh Văn Thu - ranh Khu đô thị thành phố lễ hội)

TT	Số TT PL02 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
		Giới hạn từ: (Đường Tôn Đức Thắng - đường kênh Đào - kênh 1 - kênh Huỳnh Văn Thu - ranh Khu đô thị thành phố lễ hội)	110	Sửa tên đường (Tên cũ: Vị trí còn lại)
II	**BỔ SUNG**			
1	6	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		- Các tuyến kênh khác	55	Bổ sung
		Đất trồng cây lâu năm		
		- Các tuyến kênh khác	60	Bổ sung